

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	5 - 12

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia trình bày Báo cáo của mình, Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015003 ngày 11/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Quyết định cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006, Quyết định số 49/UBCK-GP ngày 05/03/2009, Quyết định số 196/UBCK-GCN ngày 05/03/2009, Quyết định 89/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2012 và Quyết định số 97/GPĐC-UBCK ngày 04/07/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán./

Tên giao dịch tiếng Anh : National Securities Joint Stock Company.

Tên viết tắt : NSI., JSC

Trụ sở chính : Số 34B, Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Chí Thành	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 28/05/2012
Ông Nguyễn Quang Vinh	Chủ tịch	Bỏ nhiệm từ ngày 31/05/2012
Ông Nguyễn Chí Dũng	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 28/05/2012
Ông Nguyễn Hoàn Thành	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 28/05/2012
Ông Trịnh Thanh Phong	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 28/05/2012
Ông Trần Việt Anh	Ủy viên	Bỏ nhiệm từ ngày 28/05/2012
Ông Nguyễn Lương Tân	Ủy viên	Bỏ nhiệm từ ngày 28/05/2012

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Bà Bùi Thị Việt Hà	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 09/01/2012
Ông Vũ Nhữ Thăng Long	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 13/08/2012
Bà Đinh Nguyệt Hà	Giám đốc Chi nhánh	Miễn nhiệm từ ngày 31/10/2012
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Giám đốc Chi nhánh	Bỏ nhiệm từ ngày 31/10/2012
Bà Đinh Nguyệt Hà	Phó Giám đốc Chi nhánh	Bỏ nhiệm từ ngày 31/10/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012. Trong việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Công ty



Bùi Thị Việt Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Trụ sở chính TP. Hà Nội:

Số 17, Lô 2C, Khu Đô thị Trung Yên,
Phố Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

T +84 (4) 3 783 2121

F +84 (4) 3 783 2122

E info@cpavietnam.vn

W www.cpavietnam.vn

Số. 91/2013/BCKT-BCTLATTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁNVề Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (gọi tắt là "Công ty") từ trang 05 đến trang 12 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia, và được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Quế Dương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1382/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Bùi Thị Thúy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0580/KTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số công văn:.....

V/v báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31 tháng 12 năm 2012

Chúng tôi cam đoan rằng:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập Báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng

Phạm Thị Chiến

**Trưởng bộ phận
kiểm soát nội bộ**

Nguyễn Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Việt Hà

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

I - BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	Nguồn vốn	(1)	(2)	(3)
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	50.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần			
3	Cổ phiếu quỹ			
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ			
5	Quỹ đầu tư phát triển	219.857.812		
6	Quỹ dự phòng tài chính	528.621.659		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định pháp luật	(33.503.201.521)		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)			
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số			
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
13	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính			
1A	Tổng	17.245.277.950		
B.	Tài sản ngắn hạn	-	172.235.394	
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-		
1	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy			
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn(*)			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn		154.708.268	-
1	Phải thu của khách hàng		-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2	Trả trước cho người bán		153.050.000	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

I - BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90			
5	Các khoản phải thu khác		1.658.268	
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		1.658.268	
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
IV	Hàng tồn kho			
V	Tài sản ngắn hạn khác		17.527.126	-
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		17.527.126	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác		-	
4.1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác			
1B	Tổng	172.235.394		
C	Tài sản dài hạn		4.456.096.808	-
I	Các khoản phải thu dài hạn		-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

I - BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
II	Tài sản cố định		2.365.902.622	
III	Bất động sản đầu tư			
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
1	Đầu tư vào công ty con			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5			
4	Đầu tư dài hạn khác			
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
V	Tài sản dài hạn khác		2.090.194.186	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5			
1C	Tổng		4.456.096.808	
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C		12.616.945.748		

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

II - BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)= (1)x(2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị				
1	Tiền mặt (VND)	0%	21.675.187	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%		
3	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%		
II. Trái phiếu chính phủ				
4	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ các nước thuộc khối CECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, IADC, AFDB, EIB và EBRD	5%		
5	Trái phiếu công trình được chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh được niêm yết	8%		
III. Trái phiếu doanh nghiệp				
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		
7	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		
8	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		
9	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		
10	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		
11	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		
IV. Cổ phiếu				1.855.735
12	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ đại chúng dạng mở	10%	1.985.000	198.500
13	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	10.932.500	1.639.875

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

II - BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)= (1)x(2)
14	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	86.800	17.360
15	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch	30%		-
16	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%		
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
17	Quỹ đại chúng	10%		
18	Quỹ thành viên	30%		
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
19	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ năm trở đi,	40%		
20	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%		
VII. Chứng khoán khác				
21	Các loại chứng khoán khác	80%		
22	Chứng khoán bảo lãnh phát hành	80%		
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)				
	Chi tiết tới từng mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	XYZ			
2				
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A=I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				1.855.735

Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro				Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(4)	(6)	(7)	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán						
1	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm					
2	Cho vay chứng khoán					
3	Vay chứng khoán					
4	Hợp đồng mua bán chứng khoán có cam kết bán lại					
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại					
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất					
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán						
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro		
1	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					
2	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					
3	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					
4	Từ 60 ngày trở đi					
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)						
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro		
1						
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)				-		
C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)						
I.	Tổng chi phí hoạt động					9.169.441.025
	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí					1.582.482.472
	1. Chi phí khấu hao					1.561.388.927
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn					21.093.545
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn					
II.	4. Dự phòng phải thu khó đòi					
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III= I – II)					7.586.958.553
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)					1.896.739.638
V	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán					7.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})					7.000.000.000	
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)					7.001.855.735	

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

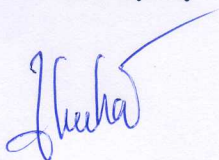
III - BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	1.855.735	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	-	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	7.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	7.001.855.735	
5	Vốn khả dụng	12.616.945.748	
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)	180,19%	

Kế toán trưởng



Phạm Thị Chiến

Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ

Nguyễn Thị Thu Hà

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Việt Hà

